| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 136/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L1, sinh năm 1983; thường trú: Xóm S, xã Th, huyện Th, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình T1, sinh năm 1982; thường trú: Xóm S, xã Th, huyện Th, tỉnh H; chỗ ở: Số 1380, đường Ax, khu phố Ch, phường T, thành phố D, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L1 và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2010 ngày 23/3/2010. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Bà L1 xác định hôn nhân giữa bà và ông T1 không hạnh phúc do vợ chồng sống chung với nhau 10 năm vẫn chưa có con, bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi

vã. Tình cảm vợ chồng phai nhạt nên bà L1 đã chuyển ra sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Đình T1.

- Về con chung: Bà Trần Thị L1 khai giữa bà và ông T1 không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hoàng Đình T1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà L1 và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2010 ngày 23/3/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Bà L1 xác định hôn nhân giữa bà và ông T1 không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống chung 10 năm vẫn chưa có con, bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án bà L1 và ông T1 không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở là phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi

mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà L1 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà L1 và ông T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L1 yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị L1 khai không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị L1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L1 đối với ông Hoàng Đình T1 về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L1 được ly hôn với ông Hoàng Đình T1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2010 do Ủy ban nhân dân xã Thạch Khê, huyện Th, tỉnh H cấp ngày 23/3/2010).

- Về con chung: Bà Trần Thị L1 khai không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006623, ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**